

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày: 27/10/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Quý

2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 27/10/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Văn T - Sinh năm 1982; Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn G (đã chết) và bà Trần Thị H, vợ Bùi Thị P (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2009;

Tiền án: Ngày 27/11/2013 bị TAND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2015 nhưng chưa nộp tiền án phí HSST 200.000đ và án phí DSST 400.000đ.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2007 bị TAND quận P, Tp Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

- Năm 2011 bị TAND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Bị hại: Anh Lê Thế H – Sinh năm 1962 (vắng mặt)

Trú tại: SN 1521 A, phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20h ngày 29/4/2022, Trần Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Lipan BKS 30K6 – 1486 qua các đường phố ở phường Q, thành phố T để tìm sơ hở trộm cắp. Khi đến trước cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình anh Lê Thế H tại số nhà 1521 A, phường Q, TP. Thanh Hóa, T quan sát thấy không có người trông coi nên dựng xe bên ngoài, rồi trèo qua cửa rào sắt vào bên trong lấy 03 thanh sắt màu nâu tối, đã bị hoen gỉ (dạng nhíp ô tô). Trong đó, 01 thanh có chiều dài 1,05m, rộng 09cm, dày 2,5cm; 01 thanh có chiều dài 47cm, rộng 6cm, dày 01cm và 01 thanh có chiều dài 32cm, rộng 06cm dày 01cm rồi đưa qua cửa sắt ra bên ngoài. T chờ 03 thanh sắt đến cửa hàng thu mua phế liệu tại số 04/8 N, phường Đ, thành phố T bán cho anh Nguyễn Văn S lấy 170.000 đồng. Số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 30/4/2022 T tiếp tục vào nhà anh H để trộm cắp nhưng vừa vào cửa hàng thì bị phát hiện.

Tại Kết luận định giá tài sản số 106 ngày 15/7/2022 của HĐĐGTS Ủy ban nhân dân thành phố T kết luận: Tài sản trộm cắp là 03 thanh sắt có trị giá 155.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Nguyễn Văn S là người đã mua 03 thanh sắt là tài sản trộm cắp của bị cáo, nhưng anh S không biết đó là tài sản trộm cắp nên không phạm tội. Anh S đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 thanh sắt mua của Trần Văn T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Lê Thế H. Anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Anh S không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 170.000 đồng.

Đối với chiếc máy BKS 30K6 – 1486 T dùng để đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định là xe của bà Trịnh Thị H mẹ đẻ của T. Việc T mượn xe để dùng vào mục đích đi trộm cắp tài sản bà H không biết, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H.

Tại bản cáo trạng số: 255/CTr-VKS ngày 28/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T đã truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS;

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 BLHS. Mức hình phạt VKS đề nghị đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Ngoài ra VKS còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến, khiếu nại gì.

[2] Về hành vi phạm tội:

Khoảng 20h ngày 29/4/2022, tại cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình anh Lê Thế H tại số nhà 1521 A, phường Q, thành phố T, Trần Văn T đã lén lút chiếm đoạt 03 thanh sắt đã qua sử dụng của anh Lê Thế H, trị giá 155.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều, phù hợp với báo cáo của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của Trần Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS như cáo trạng của VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Lợi dụng chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an chung, cần phải xử lý nghiêm minh.

Mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có tổng trị giá 155.000 đ (dưới 2 triệu đồng) nhưng do năm 2013 T bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí HSST và án phí DSST) chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tình tiết định tội theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 – BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ vào nhân thân, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, nhưng không chịu khó làm ăn, bản thân đã bị xét xử nhiều lần về tội “trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học cho mình mà vẫn lao vào con đường phạm tội. Điều đó cho thấy bị cáo không có khả năng tự cải tạo, xem thường pháp luật. Do đó, khi xem xét về hình phạt cần áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt để yên tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Do bị cáo không có công việc ổn định, giá trị tài sản phạm tội ít, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về phần dân sự: Anh Lê Thế H đã nhận lại tài sản bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm, anh Nguyễn Văn S không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã mua 03 thanh sắt, nên công nhận phần dân sự đã được giải quyết xong

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 – BLHS; Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/7/2022 .

Về phần dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được giải quyết xong.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Công an TPTH;
- Chi cục THA DS TP Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

